



CÁC LUẬT MỚI NHẤT CỦA QUỐC HỘI

THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 9, THỨ 10, KHOẢ XI

- * Luật Điện ảnh
- * Luật Kinh doanh bất động sản
- * Luật Chứng khoán
- * Luật Bảo hiểm xã hội
- * Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010
- * Nghị quyết về Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010
- * Nghị quyết về Dự án công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư
- * Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
- * Luật Bình đẳng giới
- * Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động
- * Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác
- * Luật Dạy nghề
- * Luật Thể dục, thể thao
- * Luật Quản lý thuế
- * Luật Đề điều
- * Luật Chuyển giao công nghệ
- * Luật Cư trú
- * Luật Công chứng



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

2007

CÁC LUẬT MỚI NHẤT CỦA QUỐC HỘI

THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 9, THỨ 10, KHOÁ XI



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2006

QUỐC HỘI

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Khóa XI, kỳ họp thứ 9

(Từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 29 tháng 6 năm 2006)

LUẬT

ĐIỆN ẢNH

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về điện ảnh.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động điện ảnh; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điện ảnh tại Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng Luật điện ảnh

1. Hoạt động điện ảnh và quản lý hoạt động điện ảnh phải tuân thủ quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

điện ảnh; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh; nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất và phổ biến phim.

4. Tài trợ cho việc sản xuất phim truyện về đề tài thiếu nhi, truyền thống lịch sử, dân tộc thiểu số; phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình.

5. Tài trợ cho việc phổ biến phim phục vụ miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nông thôn, thiếu nhi, lực lượng vũ trang nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại; tổ chức, tham gia liên hoan phim quốc gia, liên hoan phim quốc tế.

6. Trong quy hoạch khu đô thị phải dành quỹ đất để xây dựng rạp chiếu phim.

Chính phủ quy định cụ thể việc thực hiện các chính sách quy định tại Điều này.

Điều 6. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh được thành lập để sử dụng cho các hoạt động sau đây:

- a) Thương cho phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao;
- b) Hỗ trợ sản xuất phim thể nghiệm nghệ thuật, phim đầu tay được tuyển chọn để đưa vào sản xuất;
- c) Hỗ trợ cho các hoạt động khác để phát triển điện ảnh.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh bao gồm nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Chính phủ quy định cụ thể việc thành lập và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

Điều 7. Bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm

Nhà nước bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu tác phẩm của chủ sở hữu tác phẩm điện ảnh theo quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 8. Nội dung quản lý nhà nước về điện ảnh

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp điện ảnh; ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động điện ảnh.
2. Quản lý công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động điện ảnh; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh.
3. Quản lý hợp tác quốc tế trong hoạt động điện ảnh.
4. Cấp, thu hồi giấy phép trong hoạt động điện ảnh.
5. Thực hiện công tác khen thưởng trong hoạt động điện ảnh; tuyển chọn và trao giải thưởng đối với cá nhân và tác phẩm điện ảnh.
6. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động điện ảnh.

Điều 9. Cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh trong phạm vi cả nước.
2. Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh.
3. Bộ, cơ quan ngang Bộ phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh theo thẩm quyền.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh tại địa phương.

Điều 10. Khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điện ảnh

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điện ảnh được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 11. Những hành vi bị cấm trong hoạt động điện ảnh

1. Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Tuyên truyền, kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phân động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục.

3. Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước; bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại; bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật.

4. Xuyên tạc sự thật lịch sử; phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

Chương II

CƠ SỞ ĐIỆN ẢNH

Điều 12. Cơ sở điện ảnh

1. Cơ sở điện ảnh bao gồm:

a) Cơ sở sản xuất phim;

b) Cơ sở dịch vụ sản xuất phim;

c) Cơ sở in sang, nhân bản phim;

d) Cơ sở bán, cho thuê phim;

đ) Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu phim;

e) Cơ sở chiếu phim;

g) Cơ sở điện ảnh khác theo quy định của pháp luật.

2. Các loại hình hoạt động của cơ sở điện ảnh bao gồm doanh nghiệp điện ảnh và đơn vị sự nghiệp điện ảnh.

Doanh nghiệp điện ảnh hoạt động theo quy định của Luật này, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đơn vị sự nghiệp điện ảnh được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và theo quy định của Chính phủ.

Điều 13. Thành lập và quản lý doanh nghiệp điện ảnh

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp sản xuất phim, doanh nghiệp phát hành phim và doanh nghiệp phổ biến phim tại Việt Nam theo quy định của Luật này và Luật Doanh nghiệp.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp phát hành phim và doanh nghiệp phổ biến phim tại Việt Nam theo quy định của Luật này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Điều kiện thành lập doanh nghiệp điện ảnh

1. Điều kiện thành lập doanh nghiệp điện ảnh thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hoá - Thông tin cấp.

Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm:

a) Có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ;

b) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất phim bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

b) Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

c) Bản sao giấy tờ chứng nhận thường trú tại Việt Nam của người được đề nghị làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim.

Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp điện ảnh

1. Có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động điện ảnh.
3. Đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật này.

Điều 16. Đăng ký thành lập doanh nghiệp điện ảnh

1. Tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp điện ảnh phải thực hiện đầy đủ các thủ tục thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật này.
2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh.

3. Khi thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có), mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh, vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp, thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và các vấn đề khác trong nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp điện ảnh đó phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 17. Tạm ngừng kinh doanh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản doanh nghiệp điện ảnh

1. Việc tạm ngừng kinh doanh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể doanh nghiệp điện ảnh được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp; việc phá sản doanh nghiệp điện ảnh được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, trong quá trình giải quyết những nội dung thuộc phạm vi quyền hạn của mình đối với việc tạm ngừng kinh doanh,

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3
- Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	29
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	75
- Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	159
- Nghị quyết số 56/2006/NQ-QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010	211
- Nghị quyết số 57/2006/NQ-QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010 của cả nước	221
- Nghị quyết số 66/2006/NQ-QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Dự án công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư	227
- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	232
- Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	283

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động số 74/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 304
- Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác số 75/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 325
- Luật Dạy nghề số 76/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 346
- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 382
- Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 413
- Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 477
- Luật Chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 506
- Luật Cư trú số 81/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 538
- Luật Công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 556

CÁC LUẬT MỚI NHẤT CỦA QUỐC HỘI

THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 9, THỨ 10, KHOẢ XI

TRUNG TÂM PHÁT HÀNH SÁCH BÁO

179 A Nguyễn Hoàng - TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.249498 - 0935303303

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN



Mã sách: 080500694

Giá: 285.000đ